

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin để vận hành,  
khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ Quy định về Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT, ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn ngân sách Nhà nước; Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT, ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông Quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 564/CĐKDLTĐĐ ngày 09/6/2023 của Cục đăng ký và dữ liệu thông tin đất đai thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo dừng triển khai cơ chế đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin đất đai theo hình thức BOO; Công văn số 2835/BTTTT-CĐSQG ngày 17/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tổng hợp nội dung trả lời kiến nghị về thực hiện thuê dịch

vụ công nghệ thông tin; Công văn số 1055/CDKDLTTĐĐ-CNDLTTĐĐ ngày 21/9/2023 của Cục Đăng ký và dữ liệu thông tin đất đai về tổ chức lựa chọn phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1058-KL/TU ngày 04/3/2024 của Tỉnh ủy về kết luận của ban thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp làm việc với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phát triển ngành Tài nguyên và Môi trường và các nội dung liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 56/TTr-STNMT ngày 15/01/2025 và Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 98/STC-TCHCSN ngày 07/01/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thuê công dịch vụ công nghệ thông tin để vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La với những nội dung sau:

**1. Tên nhiệm vụ:** Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

### **2. Mục tiêu của nhiệm vụ**

a) Đảm bảo tính liên tục và hoạt động hiệu quả trong việc thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên môi trường điện tử; liên thông từ cấp xã, huyện, tỉnh và đồng bộ với cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia;

b) Kết nối liên thông với dữ liệu cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, liên thông với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh nhằm ánh xạ đồng bộ kết quả xử lý từng bước công việc giữa 02 hệ thống từ bước tiếp nhận đến bước trả kết quả trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực khác;

c) Tăng cường cung cấp các dịch vụ về đất đai, nâng cao khả năng tiếp cận của công dân, doanh nghiệp đối với thông tin đất đai;

d) Phát huy hiệu quả sản phẩm Dự án ViLG và Dự án Tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính giai đoạn 2012 – 2020, đồng thời tăng cường công tác quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La, từng bước hiện đại hóa ngành tài nguyên và môi trường, thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, vận hành, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai, tạo nền tảng chuyển đổi số, hướng đến Chính phủ số.

### **3. Phạm vi, địa điểm thực hiện nhiệm vụ, đơn vị sử dụng**

a) Phạm vi thực hiện: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin vận hành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh Sơn La.

b) Địa điểm thực hiện nhiệm vụ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La.

c) Đơn vị sử dụng:

Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (*gồm Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sơn La và 12 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và các phòng, đơn vị liên quan thuộc Sở*);

d) Phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng UBND các huyện, thành phố;

đ) UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh.

### **4. Nội dung thực hiện**

a) Hạ tầng: Cung cấp hạ tầng phần cứng, phần mềm phụ trợ, dịch vụ vận hành khai thác, đảm bảo an toàn thông tin theo quy định;

b) Phần mềm: Cung cấp phần mềm hệ thống thông tin đất đai đảm bảo vận hành theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **5. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.**

a) Thời gian bắt đầu cung cấp dịch vụ: Dự kiến tháng 01/2025.

b) Thời gian thuê được thực hiện trong 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao dịch vụ.

### **6. Tổng kinh phí thuê dịch vụ**

Tổng dự toán (*làm tròn*): **9.631.000.000 đồng** (*Chín tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu đồng*).

(*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

### **7. Tổ chức tư vấn lập kế hoạch thuê dịch vụ**

a) Đơn vị: Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin - Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.

b) Địa chỉ: Số 28 Phạm Văn Đồng, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

c) Điện thoại: 024-62542076.

d) E-mail: kdsp\_ccntt@monre.gov.vn

## **8. Nguồn vốn**

Ngân sách tỉnh chi thường xuyên năm 2024, 2025.

**9. Hình thức thuê dịch vụ:** Thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường.

## **10. Nội dung thuê dịch vụ**

Thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La gồm các nội dung sau:

a) Thuê phần mềm hệ thống thông tin quản lý đất đai để quản lý, vận hành, khai thác và cập nhật liên tục, chỉnh lý biến động thường xuyên cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La.

b) Thuê dịch vụ, trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý và vận hành phần mềm với lộ trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.

c) Dịch vụ chuyển đổi thông tin, dữ liệu hiện có trong CSDL đất đai đang vận hành sang hệ thống mới (*chi phí thuê dịch vụ đã bao gồm việc chuyển đổi dữ liệu hiện có trong CSDL đất đai đang vận hành sang hệ thống mới, các chi phí đào tạo, hỗ trợ dịch vụ kèm theo*).

d) Đào tạo, chuyển giao công nghệ, thông tin dữ liệu, hỗ trợ quy trình tích hợp dữ liệu, khai thác thông tin CSDL đất đai đảm bảo mọi đối tượng tham gia thao tác thành thạo, làm chủ được hệ thống.

đ) Thuê thiết bị lưu trữ và thiết bị an ninh bảo mật để đảm bảo các yêu cầu về an toàn trong quá trình vận hành phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

## **11. Thời gian dự kiến**

Thời gian hình thành dịch vụ 30 ngày sau khi ký hợp đồng.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường (*chủ đầu tư*)

**1.** Triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm và tuân thủ theo đúng quy trình, quy phạm theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan hiện hành.

**2.** Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, quy trình trình kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: KT, TH - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Hậu**

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN “HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Ký hiệu	ĐMTL %	Cách tính	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin</b>	<b>Gtb</b>			<b>8.541.000.000</b>	<b>854.100.000</b>	<b>9.395.100.000</b>	
1	Chi phí thuê dịch vụ phần mềm hệ thống thông tin đất đai	Gpm			6.993.000.000	699.300.000	7.692.300.000	Chi tiết tại Bảng 1
2	Chi phí thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (máy chủ ảo hóa)	Ghtkt			1.548.000.000	154.800.000	1.702.800.000	Chi tiết tại Bảng 1
<b>II</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>Gtv</b>			<b>194.514.209</b>	<b>19.451.421</b>	<b>213.965.630</b>	
1	Chi phí tư vấn lập Kế hoạch thuê dịch vụ			HĐTV	74.480.909	7.448.091	81.929.000	HĐTV
2	Chi phí thẩm tra kế hoạch thuê dịch vụ			HĐTV	9.371.364	937.136	10.308.500	HĐTV
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu		0,200%	ĐMTLxGtb	17.082.000	1.708.200	18.790.200	Áp dụng điểm c, khoản 4, điều 12, NĐ 24/2024/NĐ-CP
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu		0,100%	ĐMTLxGtb	8.541.000	854.100	9.395.100	Áp dụng điểm d, khoản 4, điều 12, NĐ 24/2024/NĐ-CP
5	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu		0,20%	ĐMTLxGtb	17.082.000	1.708.200	18.790.200	Áp dụng điểm b, khoản 5, điều 12, NĐ 24/2024/NĐ-CP

<b>6</b>	<b>Chi phí giám sát thi công</b>		0,696%	ĐMTLxGtb	<b>59.415.936</b>	<b>5.941.594</b>	<b>65.357.530</b>	Áp dụng bảng số 09, QĐ 1688/QĐ-BTTTT
<b>7</b>	<b>Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</b>		0,100%	ĐMTLxGtb	<b>8.541.000</b>	<b>854.100</b>	<b>9.395.100</b>	Áp dụng khoản 6, điều 12, NĐ 24/2024/NĐ-CP
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Gck</b>			<b>20.420.370</b>	<b>1.633.630</b>	<b>22.054.000</b>	
1	Chi phí thẩm định giá			HĐTV	20.420.370	1.633.630	22.054.000	HĐTV
<b>IV</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>DP</b>		<b>0%</b>			<b>0</b>	Thông tư 04/2020/TT-BTTTT
<b>V</b>	<b>Tổng cộng (I+II+III+IV)</b>						<b>9.631.119.630</b>	
<b>VI</b>	<b>Làm tròn</b>						<b>9.631.000.000</b>	